

TRƯỜNG TRUNG CẤP ASEAN  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ASEAN

**SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

Chương trình đào tạo bồi dưỡng: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: từ ngày      tháng      năm 2024 đến ngày      tháng      năm 2024

Hội đồng thi: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học ASEAN - Khóa thi ngày 20/04/2024

*Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 21/QĐ-TTNTH, ngày 22 tháng 04 năm 2024 của Trung tâm NN - TH ASEAN*

| TT | HỌ VÀ TÊN NGƯỜI HỌC  | NGÀY SINH  | NƠI SINH     | GIỚI TÍNH | DÂN TỘC | SỐ HIỆU CHỨNG CHỈ | SỐ VÀO SỔ |
|----|----------------------|------------|--------------|-----------|---------|-------------------|-----------|
| 1  | BNướcch Ba           | 05/09/1986 | Quảng Nam    | Nam       | CơTu    | C00178561         | 3907/2024 |
| 2  | Nguyễn Vy Bảo        | 28/01/2001 | Đà Nẵng      | Nữ        | Kinh    | C00178562         | 3908/2024 |
| 3  | Nguyễn Mậu Đức Công  | 11/10/2004 | Quảng Ngãi   | Nam       | Kinh    | C00178563         | 3909/2024 |
| 4  | Trương Đi            | 15/03/1966 | Quảng Nam    | Nam       | Kinh    | C00178564         | 3910/2024 |
| 5  | Vũ Minh Đức          | 22/08/1998 | Nam Định     | Nam       | Kinh    | C00178565         | 3911/2024 |
| 6  | Nguyễn Thị Mỹ Dung   | 30/05/2002 | Quảng Trị    | Nữ        | Kinh    | C00178566         | 3912/2024 |
| 7  | Trần Anh Dũng        | 12/07/2001 | Hà Tĩnh      | Nam       | Kinh    | C00178567         | 3913/2024 |
| 8  | ALăng Găm            | 07/10/1990 | Quảng Nam    | Nam       | CơTu    | C00178568         | 3914/2024 |
| 9  | Nguyễn Thanh Hà      | 10/07/1996 | Quảng Nam    | Nam       | Kinh    | C00178569         | 3915/2024 |
| 10 | Nguyễn Bùi Minh Hiếu | 05/09/1997 | Phú Yên      | Nam       | Kinh    | C00178570         | 3916/2024 |
| 11 | Võ Thị Thương Hoài   | 13/07/2000 | Quảng Bình   | Nữ        | Kinh    | C00178571         | 3917/2024 |
| 12 | Mai Thị Hoanh        | 30/12/1982 | Quảng Nam    | Nữ        | Kinh    | C00178572         | 3918/2024 |
| 13 | Nguyễn Hồ Khánh Linh | 02/02/2001 | Đắk Lắk      | Nữ        | Kinh    | C00178573         | 3919/2024 |
| 14 | Nguyễn Mai Đan Linh  | 13/02/2001 | Đà Nẵng      | Nữ        | Kinh    | C00178574         | 3920/2024 |
| 15 | Phan Thị Yến Linh    | 20/02/1991 | Quảng Nam    | Nữ        | Kinh    | C00178575         | 3921/2024 |
| 16 | Lê Huy Hoàng Mai     | 20/02/2001 | Thừa Thiên H | Nữ        | Kinh    | C00178576         | 3922/2024 |
| 17 | Đinh Thanh Mế        | 14/08/2001 | Quảng Ngãi   | Nam       | Hrê     | C00178577         | 3923/2024 |

| TT | HỌ VÀ TÊN NGƯỜI HỌC    | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | GIỚI TÍNH | DÂN TỘC | SỐ HIỆU CHỨNG CHỈ | SỐ VÀO SỔ |
|----|------------------------|------------|------------|-----------|---------|-------------------|-----------|
| 18 | Huỳnh Thị Phương Nga   | 01/01/1993 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | C00178578         | 3924/2024 |
| 19 | Ngô Thị Yến Nhi        | 18/04/2000 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | C00178579         | 3925/2024 |
| 20 | Nguyễn Thị Hồng Nhi    | 05/09/1995 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | C00178580         | 3926/2024 |
| 21 | Coor Thị Nhiếp         | 20/09/1988 | Quảng Nam  | Nữ        | CơTu    | C00178581         | 3927/2024 |
| 22 | Mai Trần Thục Quân     | 07/11/2001 | Đà Nẵng    | Nữ        | Kinh    | C00178582         | 3928/2024 |
| 23 | Đặng Ngọc Tâm          | 04/08/1986 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | C00178583         | 3929/2024 |
| 24 | Bùi Thị Ái Thảo        | 19/08/1995 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | C00178584         | 3930/2024 |
| 25 | Nguyễn Xuân Đức Thông  | 04/02/2001 | Quảng Bình | Nam       | Kinh    | C00178585         | 3931/2024 |
| 26 | Phạm Hồng Tiền         | 25/11/1988 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | C00178586         | 3932/2024 |
| 27 | Nguyễn Thị Minh Trang  | 02/02/2001 | Đà Nẵng    | Nữ        | Kinh    | C00178587         | 3933/2024 |
| 28 | Nguyễn Bá Tuấn         | 01/09/2001 | Thanh Hóa  | Nam       | Kinh    | C00178588         | 3934/2024 |
| 29 | Lại Nguyễn Phương Uyên | 15/10/2001 | Bến Tre    | Nữ        | Kinh    | C00178589         | 3935/2024 |
| 30 | Trần Bảo Uyên          | 09/01/2001 | Bắc Ninh   | Nữ        | Kinh    | C00178590         | 3936/2024 |
| 31 | Nguyễn Thị Vân         | 11/02/1985 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | C00178591         | 3937/2024 |
| 32 | Vũ Anh Vũ              | 30/09/2002 | Bến Tre    | Nữ        | Kinh    | C00178592         | 3938/2024 |

Danh sách này có: 32(thí sinh)